

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS-ST

Ngày: 21-8-2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Duyên.
2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967, có mặt và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966, có mặt.

Cả hai cùng hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay của cả hai tại: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967, vắng mặt.
- Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1967, có mặt.

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1967, có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2017, bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17 tháng 7 năm 2017 và biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã K – Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị V trình bày: Vợ chồng ông Q bà V làm nghề buôn bán phân, thuốc bảo vệ thực vật. Vào ngày 12 tháng 8 năm 2015, vợ chồng ông Q bà V có cho ông C mượn số tiền 124.000.000 đồng để ông C trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – C nhánh thị xã K. Sau đó, ông C lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông C đã thế chấp cho Ngân hàng trên ra làm thủ tục chuyển nhượng đất ruộng cho vợ chồng ông Q bà V. Vợ chồng ông Q bà V đã giao đủ cho ông C số tiền 124.000.000 đồng tại Ngân hàng trên vì lúc đó chỉ có một mình ông C đi trả nợ cho Ngân hàng trên. Ông C trả nợ cho Ngân hàng trên số tiền 123.364.000 đồng. Sau đó, ông C đưa bản chính giấy nộp tiền ngày 12 tháng 8 năm 2015 cho ông Q giữ. Vào ngày 04 tháng 9 năm 2015, ông C, bà C chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q bà V diện tích 10.136 m² đất ruộng với tổng giá trị là 380.100.000 đồng để lấy tiền trả số tiền nợ mượn ngày 12 tháng 8 năm 2015 là 124.000.000 đồng, không tính lãi suất và nợ tiền phân thuốc của những năm trước đó cho vợ chồng ông Q bà V. Vợ chồng ông Q bà V đã trả cho ông C, bà C nhận đủ số tiền 380.100.000 đồng theo hợp đồng sang đất ruộng và nhận tiền ngày 04 tháng 9 năm 2015. Tuy nhiên, vợ chồng ông Q bà V không nhớ rõ ông C, bà C đã trả cho vợ chồng ông Q bà V số tiền tổng cộng là bao nhiêu vì sự việc diễn ra đã lâu. Số tiền còn lại ông C, bà C sử dụng vào mục đích gì thì vợ chồng ông Q bà V không biết. Vợ chồng ông Q bà V với ông C, bà C là hàng xóm, láng giềng với nhau nên đến ngày 06 tháng 9 năm 2015, ông C, bà C nói với vợ chồng ông Q bà V là những người chủ nợ khác nghe ông C, bà C chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Q bà V nên tranh cãi, đòi nợ. Do đó, ông C, bà C kêu vợ chồng ông Q bà V cho vay số tiền 61.000.000 đồng để trả nợ cho người khác nhưng vợ chồng ông Q bà V không biết ông C, bà C trả nợ cho người nào. Các bên thỏa thuận với lãi suất 3%/tháng, thời gian vay là 01 tháng. Vợ chồng ông Q bà V đã giao đủ cho ông C, bà C nhận số tiền 61.000.000 đồng. Khi giao số tiền 61.000.000 đồng, ông Q là người viết biên nhận nợ và ông C, bà C có tự tay ký vào biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015. Từ khi vay đến nay, ông C, bà C chưa trả cho vợ chồng ông Q bà V được khoản gốc, lãi nào. Đồng thời, ông C, bà C có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông Q bà V còn nợ lại số tiền gốc là 3.690.000 đồng. Nay vợ chồng ông Q bà V khởi kiện yêu cầu ông C, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 61.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật; số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc là 3.690.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài số nợ này ra, ông C, bà C còn nợ vợ chồng ông Q bà V tiền thuê ruộng của năm 2016 - 2017 với số tiền 17.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng ông Q bà V không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17 tháng 3 năm 2017, ngày 22 tháng 5 năm 2017, ngày 17 tháng 7 năm 2017 và biên bản hòa giải của

Tòa án nhân dân thị xã K - Ông Nguyễn Văn C, bà Võ Thị Kim C trình bày: Ông C có vay của ông Q số tiền 124.000.000 đồng theo biên nhận có mượn tiền ngày 12 tháng 8 năm 2015. Ông C, bà C có chuyển nhượng đất ruộng cho ông Q theo hợp đồng sang đất ruộng và nhận tiền ngày 04 tháng 9 năm 2015 với tổng giá trị là 380.100.000 đồng. Tuy nhiên, ông C, bà C lầm tưởng là ký nhận số tiền mượn 124.000.000 đồng theo biên nhận có mượn tiền ngày 12 tháng 8 năm 2015 nên ông C, bà C mới ký vào biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015. Khi ký tên vào biên nhận nợ thì ông C đang say xỉn, còn bà C thì bị ông Q ép buộc ký tên vào biên nhận nợ ngày 06 tháng 9 năm 2015. Bà C xác định chữ ký, chữ viết “C, nguyên văn C” trong biên nhận có mượn tiền ngày ngày 12 tháng 8 năm 2015, trong hợp đồng sang đất ruộng ngày 04 tháng 9 năm 2015, trong biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 là của ông C; chữ ký, chữ viết “C, võ thị kim C” trong hợp đồng sang đất ruộng ngày 04 tháng 9 năm 2015, trong biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 là của bà C. Tuy nhiên, ông C, bà C không có nhận của vợ chồng ông Q bà V số tiền nào từ việc bán đất ruộng vì vợ chồng ông Q bà V trừ ngang hết số tiền 380.100.000 đồng, trong đó tiền vay trả nợ Ngân hàng với số tiền 124.000.000 đồng, không tính lãi suất và tiền nợ phân thuốc luôn phần ông C, bà C lãnh nợ cho vợ chồng ông K bà N gồm gốc, lãi là 260.000.000 đồng. Sau khi mua bán đất ruộng được vài ngày thì vợ chồng ông Q bà V yêu cầu ông C, bà C ký vào biên nhận nợ vì không biết chữ nên ông C, bà C ký vào biên nhận có mượn nợ ngày 06 tháng 9 năm 2015 vì ông C, bà C lầm tưởng với số nợ 124.000.000 đồng do trong biên nhận có mượn tiền ngày 12 tháng 8 năm 2015 thì bà C không có ký tên. Do đó, vợ chồng ông Q bà V kêu bà C ký vào biên nhận có mượn tiền số tiền 124.000.000 đồng cho đầy đủ. Ông C, bà C chỉ đồng ý trả nợ tiền phân, thuốc cho vợ chồng ông Q bà V số tiền gốc là 3.690.000 đồng. Ông C, bà C không đồng ý trả nợ tiền vay cho vợ chồng ông Q bà V số tiền gốc là 61.000.000 đồng theo biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 vì ông C, bà C không có vay của vợ chồng ông Q bà V số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng kết quả không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông Q bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu: Ông C, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Q bà V hai khoản nợ, cụ thể như sau:

- Khoản nợ thứ nhất: Tiền vay gốc là 61.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 06 tháng 10 năm 2015 đến ngày 16 tháng 8 năm 2017 với mức lãi suất là 0,75 %/tháng là 61.000.000 đồng x 0,75 %/tháng x 22 tháng 10 ngày (670 ngày) = 10.217.500 đồng; tổng cộng gốc, lãi là 71.217.500 đồng.

- Khoản nợ thứ hai: Tiền gốc mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 3.690.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

- Tổng cộng hai khoản nợ trên là 71.217.500 đồng + 3.690.000 đồng = 74.907.500 đồng.

- Vợ chồng ông Q bà V yêu cầu ông C, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả hết số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà C trình bày: Ông C, bà C chỉ đồng ý trả nợ tiền phân, thuộc cho vợ chồng ông Q bà V số tiền gốc là 3.690.000 đồng. Ông C, bà C không đồng ý trả nợ tiền vay cho vợ chồng ông Q bà V số tiền gốc là 61.000.000 đồng theo biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 vì ông C, bà C không có vay của vợ chồng ông Q bà V số tiền này nhưng bà C không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Đồng thời, bà C cho rằng nội dung “số tiền mượn 61.000.000” trong biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 không phải do ông C, bà C viết vì từ trước đến nay ông C bà C chỉ biết viết tên và ghi rõ họ tên “C, Nguyễn Văn C, C, Võ Thị Kim C”. Tuy nhiên, bà C không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định nội dung nêu trên. Do đó, bà C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại nội dung trên để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông C, bà C.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn Nhứt - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q bà V là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q bà V là buộc ông C, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Q bà V số tiền vay, mua bán gốc, lãi tổng cộng là 74.907.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn là ông C và bà C có địa chỉ tại Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q bà V yêu cầu: Ông C, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Q bà V số tiền vay, mua bán gốc,

lãi tổng cộng là 74.907.500 đồng là hoàn toàn tự nguyện và có chứng cứ chứng minh thể hiện bằng biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015. Đồng thời được ông C, bà C xác định chữ ký, chữ viết “C, Nguyễn Văn C, C, Võ Thị Kim C” trong biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 là của ông C, bà C. Tuy nhiên, ông C, bà C lại chỉ đồng ý trả nợ tiền phân, thuốc cho vợ chồng ông Q bà V số tiền 3.690.000 đồng. Ông C, bà C không đồng ý trả nợ tiền vay cho vợ chồng ông Q bà V số tiền 61.000.000 đồng theo biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 vì ông C, bà C cho rằng không có vay của vợ chồng ông Q bà V số tiền này. Trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của ông C, bà C khi thì bà C không thừa nhận, khi thì thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông C trong biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015; khi thì bà C cho rằng ông Q ép buộc bà C ký vào biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015, khi thì cho rằng làm tương với biên nhận có mượn tiền ngày 12 tháng 8 năm 2015 của số nợ 124.000.000 đồng nên mới ký vào biên nhận; khi thì ông C cho rằng do say xỉn nên ký vào biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 vì làm tương với biên nhận có mượn tiền ngày 12 tháng 8 năm 2015 của số nợ 124.000.000 đồng. Từ đó, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 12/2017/QĐ-CCTLCC ngày 22 tháng 5 năm 2017 yêu cầu ông C, bà C cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh không có vay của vợ chồng ông Q bà V số tiền 61.000.000 đồng. Đến nay, ông C, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày này của ông C, bà C là có căn cứ. Đồng thời tại phiên tòa, bà C cho rằng nội dung “số tiền mượn 61.000.000” trong biên nhận có mượn tiền ngày 06 tháng 9 năm 2015 không phải do ông C, bà C viết vì từ trước đến nay ông C bà C chỉ biết viết tên và ghi rõ họ tên “C, Nguyễn Văn C, C, Võ Thị Kim C”. Tuy nhiên, tại trang 4 của biên bản hòa giải ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K ở mục các đương sự tham gia phiên hòa giải thì bà C lại tự tay ghi “tôi không đồng ý trả 61.000.000 đồng, C, Võ Thị Kim C”. Mặt khác, tại phiên tòa bà C có nộp 01 sổ tay mua phân, thuốc của vợ chồng ông Q bà V từ năm 2013 đến năm 2014, nhưng vẫn không chứng minh được ông C, bà C không có vay của vợ chồng ông Q bà V số tiền 61.000.000 đồng. Bởi vì, trong vụ án này vợ chồng ông Q bà V chỉ khởi kiện yêu cầu ông C, bà C phải trả số tiền mua phân thuốc còn nợ lại là 3.690.000 đồng và được ông C, bà C thừa nhận nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết đề nghị nêu trên của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q bà V là chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q bà V, buộc ông C, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Q bà V số tiền vay, mua bán gốc, lãi tổng cộng là 74.907.500 đồng là có căn cứ phù hợp với các Điều 288, 357, 430, 440, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q bà V được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C, bà C phải có nghĩa vụ liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự

sơ thẩm đối với số tiền 74.907.500 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Vợ chồng ông Q bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 184 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 430, 440, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị V, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Kim C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị V số tiền tổng cộng là 74.907.500 đồng (bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí của vụ án là 3.745.000 đồng (ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Võ Thị Kim C phải có nghĩa vụ liên đới chịu 3.745.000 đồng (ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị V 1.789.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006336 ngày 22 tháng 02 năm 2017 của C cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- C cục THADS thị xã K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thị Kim Diệu